TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Quang Trung.
2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Khúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị K (Tên gọi khác: H), sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Tân hưng, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Diệp Thị Thùy Tr, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Văn Vũ L, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Tân hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 02 năm 2023 và các biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị G trình bày:

Vào năm 2016 và những năm tiếp theo bà Diệp Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Vũ L có hỏi mượn của bà số tiền 402.000.000 đồng để làm chi phí học tiếng Nhật, chi phí đi lao động ở Nhật, khi mượn không có làm giấy tờ biên nhận, vì ông

Nguyễn Vũ L là em ruột bà, bà Tr là em dâu vợ của L nên bà chỉ ghi sổ theo dõi, mỗi lần cần tiền bà Tr hoặc ông L điện thoại thì bà gửi tiền lên thành phố Hồ Chí Minh cho mượn bằng cách gửi xe khách hoặc về nhà lấy tiền. Khi bà Tr, ông L đi Nhật có gửi tiền về trả cho bà, Tr gửi trả bà tổng cộng số tiền 152.000.000 đồng, ông L gửi trả bà số tiền 319.342.000 đồng (làm tròn số), như vậy phần của bà Tr còn nợ bà số tiền 49.000.000 đồng (trong phần tiền vợ chồng mượn 402.000.000 đồng chia hai bà Tr chịu nợ ½, ông L chịu ½ vì ông L, bà Tr là vợ chồng, đến năm 2020 mới ly hôn).

Vào năm 2022, khi bà Tr tổ chức đám cưới thì bà Nguyễn Thị G yêu cầu bà Tr phải trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, nếu không trả thì bà sẽ lên đòi nợ tại đám cưới nhà bà Tr, gia đình muốn tổ chức thuận lợi nên hai bên thống nhất cho bà K hứa bảo lãnh trả nợ cho bà Tr số tiền 25.000.000 đồng, sau khi đám cưới xong bà G có đòi 25.000.000 đồng bà K đã hứa trả cho bà Tr nhưng bà K không trả nên bà G khởi kiện yêu cầu bà K phải trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng có triệu tập bà Tr tham gia tố tụng thì bà G có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Tr và bà K phải liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà G xin rút yêu cầu khởi kiện đối bà Tr không yêu cầu bà Tr phải trả số tiền 25.000.000 đồng.

Trong các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Hồ Thị K (H) trình bày: Bà là chị dâu của bà Tr nên khi bà G điện thoại gây áp lực cho gia đình bà ngay ngày đám cưới bà Tr nên bà có hứa trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà G số tiền này nếu bà Tr thật sự còn nợ bà G.

Bà Diệp Thị Thùy Tr vắng mặt nhưng trong các bản tự khai, biên bản ghi lời khai bà Tr trình bày: Bà thừa nhận có mượn nợ bà G số tiền 150.000.000 đồng để làm chi phí đi Nhật xuất khẩu lao động, quá trình đi làm bà có chuyển tiền từ Nhật về trả cho bà G tổng số tiền 152.000.000 đồng nên bà không còn nợ tiền bà G. Nếu bà G cho rằng bà còn nợ thì bà G phải chứng minh và bà sẽ đồng ý trả cho bà G.

Trong các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Vũ L trình bày: Từ năm 2016 đến năm 2020 ông và bà Tr có quan hệ vợ chồng (năm 2020 đã ly hôn) có mượn bà G (chị ruột của ông) tổng số tiền là 402.000.000 đồng để làm chi phí đi xuất khẩu lao động ở nước Nhật, ông đã gửi trả được cho bà G tổng số tiền là 319.342.000 đồng. Tại phiên Tòa ông L cũng thừa nhận chuyển trả hết số nợ cho G, ông không có nhận tiền lại từ bà G trong số tiền ông gửi về.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của bà G: Yêu cầu bà Kiều nhận bão lãnh cho bà Tr phải trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất là không có cơ sở

chấp nhận, bởi vì bà G cho bà Tr mượn số tiền 200.000.000 đồng (Trong tổng số tiền 402.000.000 đồng cho vợ chồng bà Tr, ông L mượn) làm thủ tục và chi phí xuất khẩu lao động ở Nhật, bà tin tưởng bà Tr nên không làm biên nhận, bà Tr đã trả cho bà G được số tiền là 150.000.000 đồng. Mặc khác, bà Tr thừa nhận có mượn tiền của bà G là 150.000.000 đồng và hiện nay bà Tr đã trả hết cho bà G. Bà G cho rằng bà Tr còn nợ bà số tiền 50.000.000 đồng, bà G không có căn cứ chứng minh. Do bà Tr không còn nợ cho bà G nên việc bà G yêu cầu bà K nhận bảo lãnh cho bà Tr trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, yêu cầu của bà G không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166, Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với việc bà G rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Tr không yêu cầu bà Tr phải trả số tiền 25.000.000 đồng là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

Đối với ý kiến bà K: Bà thừa nhận bà bảo lãnh cho bà Tr số tiền là 25.000.000 đồng nếu bà Tr còn nợ thì bà đồng ý trả cho bà G, còn bà Tr đã trả hết nợ cho bà G rồi thì bà không đồng ý trả. Do bà Tr đã trả hết nợ cho bà G nên không buộc bà K phải trả số tiền bảo lãnh là 25.000.000 đồng cho bà G.

Đối với ý kiến bà Tr: Bà thừa nhận có mượn tiền của bà G số tiền 150.000.000 đồng, bà đã trả hết cho bà G, bà G cho rằng bà Tr còn nợ bà số tiền là 50.000.000 đồng nhưng bà G không có căn cứ chứng minh nên không buộc bà Tr phải trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng và bà Tr xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt bà Tr là phù hợp tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp Hội đồng xét xử xác định tranh chấp "Hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản". Bà Hồ Thị K đang sinh sống và cư trú tại ấp T, xã B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Khi bà G khởi kiện bà K thì bà Tr không cư trú tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, sau đó Tòa án triệu tập bà Tr về giải quyết bà G có đơn khởi kiện bà Tr tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng và bà Tr cũng đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An giải quyết chung vụ án dân sự giữa bà G khởi kiện bà K. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Do mối quan hệ trong gia đình nên bà Nguyễn Thị G có cho ông L, bà Tr mượn tiền thông qua gửi tiền xe khách hoặc ông L, bà Tr về lấy trực tiếp nhưng không có giấy vay tiền, mỗi lần gửi tiền bà G bỏ trong bao thư giao cho xe khách, giữa xe khách và bà không có làm giấy tờ giao nhận.

[2.2] Bà Tr thừa nhận có mượn bà G số tiền 150.000.000 đồng và đã chuyển trả bà G 152.000.000 đồng, nếu bà G có đủ cơ sở chứng minh bà còn nợ số tiền 48.000.000 đồng thì bà sẽ trả cho bà G.

[2.3] Đối với bà Nguyễn Thị G đưa ra cơ sở chứng minh bằng bảng kê các lần cho mượn tổng cộng 402.000.000 đồng và bản sao kê của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua chi nhánh huyện Tân Hưng số tiền ông Nguyễn Vũ L chuyển tiền từ Nhật về Việt Nam trả cho bà G là 319.342.000 đồng (đã làm tròn số), bà Tr gửi trả 152.000.000 đồng. Tổng số tiền bà G đã nhận của ông L, bà Tr là 471.342.000 đồng.

[2.4] Ông Nguyễn Vũ L là em ruột của bà G, ông đã dựa trên cơ sở là bảng kê nợ của bà G, phần của ông nợ là 201.000.000 đồng (402.000.000 đồng : 2 = 201.000.000 đồng). Trong khi đó, ông L gửi trả cho bà G từ ngày 16/8/2017 đến 20/9/2019 tất cả 06 lần gửi với tổng số tiền 319.342.000 đồng. Như vậy bà Tr, ông L đã trả cho bà G số tiền là 471.342.000 đồng theo bảng kê nợ của bà G thì số tiền chênh lệch bà đã nhận 402.000.000đồng trả tiền mượn và 69.342.000 đồng tiền trả dư.

[2.5] Ông L cho rằng số tiền gửi về trả cho bà G là trả nợ hết cho bà G ông không có nhận lại tiền, hơn nữa ông L và bà Tr vay mượn trong thời kỳ hôn nhân và trả nợ cũng trong thời gian hôn nhân nên ông L, bà Tr phải có trách nhiệm chung.

[2.6] Tại phiên tòa bà G rút yêu cầu đối với bà Diệp Thị Thùy Tr yêu cầu bà Tr trả số tiền 25.000.000 đồng là ý chí tự nguyện của bà G. Hội đồng xét xử, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà G là hợp lệ nên ghi nhận.

Từ các nhận định ở mục [2] thể hiện bà Nguyễn Thị G không chứng minh được bà Tr còn nợ bà 50.000.000 đồng nên việc bà G yêu cầu bà K nhận bảo lãnh cho bà Tr trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị G không được chấp nhận nên bà G phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà K, bà Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 335, 372, 373 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối bà Hồ Thị K về việc tranh chấp "Hợp đồng bảo lãnh" số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với yêu cầu bà Diệp Thị Thùy Tr phải trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Nguyên đơn được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, Tòa án sẽ thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo các biên lai thu số 0003325 ngày 18/10/2022 và 0000365 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị K, bà Diệp Thị Thùy Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Thành

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn*.